0BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
Y TẾ CÔNG CỘNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: …….

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑; Giảng viên thỉnh giảng □

Ngành: **Y học** ; Chuyên ngành: **Y tế công cộng**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **VŨ THỊ HOÀNG LAN**
2. Ngày tháng năm sinh: **30 tháng 12 năm 1976**; Nam □ ; Nữ ☑;
Dân tộc: **Kinh**
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: □
4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Nam Định**
5. Chỗ ở hiện nay (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc thôn, xã, huyện, tỉnh):
Số 26 Lô 14B, Đường 11, Khu Đô Thị Trung Yên, Cầu Giấy, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ
Vũ Thị Hoàng Lan
Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Y tế công cộng,
Số 1A Đức Thắng, Phường Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại di động: 0918.358.886, Địa chỉ E-mail: vhl@huph.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Nhiệm vụ chính
12/1999-9/2000:	Cán bộ hợp đồng, trợ giảng Bộ môn Bảo vệ Sức khỏe Bà mẹ Trẻ em - Dân số tại Trường Cán bộ Quản lý Y tế (nay là trường ĐH YTCC)
9/2000-9/2002	Nhà trường cử đi đào tạo ThS khoa học tại trường ĐH tổng hợp Saskatchewan, Canada theo học bổng của Quỹ China Medical Board
9/2002-9/2005	Hoàn thành chương trình Tiến sỹ YTCC tại trường ĐH tổng hợp Saskatchewan, Canada

9/2005-1/2007	Hoàn thành chương trình đào tạo sau Tiến sỹ tại Trường ĐH tổng hợp Saskatchewan, Canada
Từ tháng 8/2007 đến nay	Công tác tại Bộ môn Dịch tễ, Khoa KHCB, Trường Đại học Y tế công cộng
Từ tháng 5/2008 đến nay	Được bổ nhiệm chức vụ Trưởng Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y tế công cộng
Từ tháng 7/2008 đến nay	Được bổ nhiệm vào ngạch giảng viên trường ĐH YTCC, quyết định 394/QĐ-YTCC, ngày 03/07/2008
Từ tháng 4/2012 đến nay	Được bổ nhiệm chức vụ Trưởng khoa Khoa học cơ bản
Tháng 11/2013	Được công nhận chức danh PGS
Tháng 04/2017	Được bổ nhiệm Giảng viên cao cấp

- Chức vụ hiện nay: **Trưởng khoa Khoa học cơ bản, Trưởng Bộ môn Dịch tễ**
- Chức vụ cao nhất đã qua: **Trưởng khoa Khoa học cơ bản**

Cơ quan công tác hiện nay (khoa, phòng, ban; trường, vụ, viện; thuộc Bộ): **Bộ môn Dịch tễ, Khoa học cơ bản, Trường Đại học Y tế công cộng, Bộ Y tế**

- Địa chỉ cơ quan:

Số 1A Đức Thắng, Phường Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

- Điện thoại cơ quan: **(04) 3.7365896**; Fax: **(04) 62662385**

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....
Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....
Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Học vị:

- Được cấp bằng Đại học ngày **25** tháng **8** năm **1998**, ngành: **Y**, chuyên ngành: **Bác sỹ đa khoa**
  Nơi cấp bằng Đại học: **Trường Đại học Y Hà nội**
- Được cấp bằng ThS ngày **30** tháng **05** năm **2002**, ngành: **Y tế công cộng**, chuyên ngành: **Dịch tễ học**
  Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): **Đại học Tổng hợp Saskatchewan, Canada**
- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 05 năm 2005, ngành: **Y tế công cộng**, chuyên ngành: **Dịch tễ học**
  Nơi cấp bằng TS (trường, nước): **Đại học Tổng hợp Saskatchewan, Canada**

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 01 tháng 11 năm 2013 ,
ngành: Y, chuyên ngành: Y tế công cộng

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y tế công cộng

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:
(1) Sức khỏe sinh sản và sức khỏe bà mẹ trẻ em; (2) Nghiên cứu dịch tễ học về mô hình bệnh tật và yếu tố nguy cơ của bệnh không lây nhiễm; (3) Nghiên cứu về hệ thống y tế và (4) Các ứng dụng thống kê cao cấp phân tích mô hình sức khỏe

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): **07** NCS bảo vệ thành công luận án TS (Trong đó, hướng dẫn chính 01 NCS đã nhận bằng và 01 NCS đã nhận quyết định công nhân tốt nghiệp). Hướng dẫn 2 cho 5 NCS đã bảo vệ thành công luận án)

- Đã hoàn thành (số lượng) chủ trì **01** đề tài NCKH cấp Bộ, tham gia 01 đề tài cấp Bộ và chủ trì 06 đề tài cấp cơ sở

- Đã công bố (số lượng) **107** bài báo KH, trong đó **40** bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín, 10 bài trên các tạp chí quốc tế khác; 54 bài trên tạp chí trong nước và 03 báo cáo toàn văn hội thảo quốc tế

- Số lượng sách đã xuất bản **14** trong đó 14 thuộc nhà xuất bản có uy tín và 10 sách giáo trình

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2014	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế	Quyết định số QĐ số 816/QĐ-BYT ngày 10/3/2014, Bộ Y tế
2016	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 16/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ
2018	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế	Theo Quyết định số 987/QĐ-BYT ngày 15/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế
2021	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế	Theo Quyết định số 1310/QĐ-BYT ngày 17/2/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá)

- Là giảng viên của bộ môn Dịch tễ (trước đây là Dịch tễ- thống kê), thuộc Khoa các khoa học cơ bản, ứng viên đã xuất bản 14 cuốn sách phục vụ đào tạo, bao gồm 07 cuốn trước khi được công nhận chức danh PGS (chủ biên, đồng chủ biên 05 cuốn), 07 cuốn sau khi được công nhận chức danh PGS (chủ biên, đồng chủ biên 02 cuốn). Các cuốn sách ứng viên chủ biên và hoặc tham gia biên soạn đều có tính ứng dụng cao trong đó có cuốn "Dich tễ học" đã được Bộ Y tế thẩm định và đồng ý sử dụng thành sách giáo khoa cho đào tạo sau đại học của ngành Y tế.

- Ứng viên đã hướng dẫn chính 02 NCS (01 NCS đã nhận bằng và 01 NCS đã nhận quyết định công nhận tốt nghiệp) và hướng dẫn phụ 05 NCS (trong đó có 01 NCS tại trường Swiss Tropical and Public health Institute và 01 NCS tại trường Đại học University of Queensland) bảo vệ thành công luận án TS. Hiện tại ứng viên đang hướng dẫn chính 2 NCS trong đó 01 NCS đã bảo vệ thành công luận án cấp cơ sở. Ứng viên đã hướng dẫn trên 50 học viên ThS, CK1 và Ck2 bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp.

- Về nghiên cứu khoa học, ứng viên đã hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp Bộ và 06 đề tài cấp cơ sở. Ứng viên đã công bố 107 công trình nghiên cứu, trong đó có 40 bài báo trên các tạp chí quốc tế có uy tín.

- Trong quá trình công tác tại trường Đại học Y Tế Công cộng, ứng viên luôn luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn của người giảng viên và người quản lý Bộ môn, Khoa. Ứng viên luôn giữ vững được phẩm chất đạo đức và tiêu chuẩn của người giảng viên đại học. Tích cực học tập, tu dưỡng, tiếp nhận và ứng dụng tri thức vào phát triển ngành, đóng góp vì sự phát triển chung của chuyên ngành Y tế công cộng tại Việt Nam. Ứng viên đã đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trong nhiều năm, năm 2014 và 2018 ứng viên được nhận bằng khen Bộ trưởng Bộ Y tế vì đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học. Năm 2016 ứng viên đã được vinh dự nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì đã có thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

- Ứng viên tự đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt tiêu chuẩn của một giảng viên Đại học.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 13 năm.

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ)

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD Ths	Giảng dạy trực tiếp		Tổng số giờ quy đổi	Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ		ĐH	SĐH		
1	2014 - 2015		2	5	40	125	402.5	165/402.5/196
2	2015 - 2016		2	3	25	125	352.5	150/352.5/196
3	2016 - 2017	1	0	5	50	140	410	190/410/196
4	2017 - 2018	1	0	4	5	165	377.5	170/377.5/217
5	2018 - 2019	2	0	5	15	135	392.5	150/392.5/217
6	2019 - 2020	2	0	5	0	165	472.5	165/472.5/231
7	2020-2021 (Tính đến tháng 6)	2	0	4	0	165	437.5	165/437.5/231

* Giờ định mức đã được giảm trừ theo nhiệm vụ quản lý

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☑ :

- Học ĐH □; Tại nước: .....
- Bảo vệ luận án ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ☑; Tại nước : **Canada**
- Thực tập dài hạn (> 2 năm) □; Tại nước : .....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☑ :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: **Đại học Ngoại ngữ**; số bằng: **136064**; năm cấp: **1997**

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☑:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : **Tiếng Anh (năm 2008-2021)**
- Nơi giảng dạy (cơ sơ đào tạo, nước): **Trường Đại học Y tế công cộng**

d) Đối tượng khác □ ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ):

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: **Đại học Ngoại ngữ**; số bằng: **136064**; năm cấp: **1997**

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng	Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ …. đến …	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	Chính	Phụ			
1	Lê Thị Kim Ánh			x	2009-2012	Swiss Tropical and Public health Institute	2012
2	Trần Thị Tuyết Mai	x		x	2009-2014	Đai học YTCC	06/03/2015
3	Nguyễn Đình Dự	x		x	2011-2015	Đai học YTCC	2016
4	Nguyễn Thanh Bình	x		x	2010-2015	Đai học YTCC	28/01/2016
5	Nguyễn Ngọc Bích	x		x	2011-2016	University of Queensland	2016
6	Bùi Huy Tùng	x	x		2014-2019	Đai học YTCC	Quyết định công nhận tốt nghiệp vào 22/10/2019 Bằng cấp vào 16/01/2020
7	Nguyễn Hữu Lê	x	x		2017-2021	Đai học YTCC	Quyết định công nhận tốt nghiệp vào 30/07/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

Trước công nhận chức danh PGS

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Số trang biên soạn	Xác nhận của CS GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)	IBSN
1	Dịch tễ học cơ bản (tài liệu dịch)	GT	NXB Y học, 2009	07	Hiệu đính		Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC	
2	Dịch tễ học	GT	NXB Y học, 2011	06	Chủ biên		Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC biên bản ngày 17/05/2013	
3	Dịch tễ thống kê nâng cao- Sách cho học viên	GT	NXB Lao động xã hội, 2010	07	Chủ biên		Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC Biên bản ngày 27/10/2009	
4	Dịch tễ thống kê nâng cao- Tài liệu giảng dạy SBL cho giảng viên	GT	NXB Lao động xã hội, 2010	07	Chủ biên		Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC Biên bản ngày 27/10/2009	
5	Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm- Sách cho học viên	GT	NXB Lao động xã hội, 2010	02	Chủ biên		Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC Biên bản ngày 13/04/2010	
6	Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm- Tài liệu giảng dạy SBL cho giảng viên	GT	NXB Lao động xã hội, 2010	02	Chủ biên		Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC Biên bản ngày 13/04/2010	
7	Phương pháp nghiên cứu kết hợp	GT	NXB Lao động-Xã hội (2012)	05	Phản biện		Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC biên bản ngày 17/05/2013	

Sau công nhận chức danh PGS

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Số trang biên soạn	Xác nhận của CS GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)	IBSN
8	Dịch tễ thống kê nâng cao	GT	NXB Y học (2014)	05	Tham gia biên soạn	Trang 106-117	Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC ngày 9/10/2012	978-604-66-0750-2
9	Thống kê Y sinh học ứng dụng	GT	NXB Y học (2015)	04	Đồng chủ biên	Trang 7-12	Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC biên bản ngày 11/05/2011	978-604-66-1505-7
10	Đánh giá tác động chương trình y tế	GT	NXB Y học (2015)	04	Chủ biên	Trang 7-19 và trang 69-125	Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC biên bản ngày 11/05/2011	978-604-66-1422-7
11	Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm	GT	NXB Y học (2015)	10	Tham gia biên soạn	Trang 134-154	Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC biên bản ngày 11/05/2011	978-604-66-0751-9
12	Dịch tễ học các bệnh không truyền nhiễm	GT	NXB Y học (2015)	08	Tham gia biên soạn	Trang 125-139	Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC biên bản ngày 11/05/2011	978-604-66-1795-2
13	Phương pháp nghiên cứu trong bệnh viện	TK	NXB Hồng Đức (2018)	13	Tham gia biên soạn	Trang 7-28	Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC Biên bản ngày 16/05/2019	978-604-66-3275-7
14	Phương pháp nghiên cứu can thiệp: Thiết kế và phân tích thống kê	TK	NXB Y học, Hà Nội (2019).	24	Tham gia biên soạn	Trang 339-343	Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC Biên bản ngày 29/05/2019	978-604-66-3740-0

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

Trước công nhận chức danh PGS

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Trách nhiệm	Mã số, cấp quản lý	Quyết định giao nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Văn bản nghiệm thu (văn bản, số, ngày tháng, năm), xếp loại kết quả
1	Điều tra dịch tễ học tình hình nhiễm HPV của phụ nữ tại hai quận thuộc Hà nội và TP HCM	CN	Cấp cơ sở Trường Đại học YTCC	Quyết định 130/QĐ-YTCC ngày 24/03/2010	3/2010-7/2010	Quyết định 415/QĐ-YTCC ngày 13/07/2010 Biên bản nghiệm thu của HĐ KHCN
2	Điều tra dịch tễ học tình hình nhiễm HPV của phụ nữ tại Thái Nguyên, Huế, Cần Thơ	CN	Cấp cơ sở Trường Đại học YTCC	Quyết định 52/QĐ-YTCC ngày 11/02/2011	2/2011-12/2011	Quyết định 1672/QĐ-YTCC ngày 09/12/2011 Biên bản nghiệm thu của HĐ KHCN
3	Đánh giá gánh nặng kinh tế của một số bệnh ung thư tại Việt nam	Đồng CN	Cấp cơ sở Trường Đại học YTCC	Quyết định số 698/QĐ-YTCC ngày 06/01/2012	1/2012-12/2012	Quyết định 1229/QĐ-YTCC ngày 14/12/2012 Biên bản nghiệm thu của HĐ KHCN
4	Hiện trạng đào tạo nhân lực y tế Việt Nam	Tham gia	Cấp Bộ Bộ Y tế	Quyết định số 2187/QĐ-BYT ngày 21/06/2012	06/2012-06/2013	QĐ thành lập HĐ nghiệm thu số 2048/QĐ-BYT ngày 13/6/2013 Biên hản họp HĐ nghiệm thu 20/6/2013 Quyết định công nhận kết quả đề tài số 2906/QĐ-BYT ngày 12/8/2013

Sau công nhận chức danh PGS

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Trách nhiệm (CN, PCN, TK)	Mã số, cấp quản lý	Quyết định giao nhiệm vụ (số, ngày tháng)	Thời gian thực hiện	Văn bản nghiệm thu (văn bản, số, ngày tháng, năm), xếp loại kết quả
5	Ung thư cổ tử cung và yếu tố nguy cơ tại Bắc Ninh và Cần Thơ năm 2013	Đồng CN	Cấp cơ sở Trường Đại học YTCC	QĐ phê duyệt số 262/QĐ-ĐHYTCC ngày 17/05/2013	05/2013-07/2013	QĐ thành lập HĐ nghiệm thu số 514/QĐ-ĐHYTCC ngày 22/07/2013 Biên hản họp HĐ nghiệm thu ngày 25/7/2013
6	Nghiên cứu xây dựng quy trình quản lý chất lượng các nghiên cứu khoa học Y Dược	CN	**Cấp Bộ Bộ Y tế**	QĐ phê duyệt số 7007/QĐ-BYT ngày 25/11/2016	11/2016-05/2019	Quyết định nghiệm thu số 1665/QĐ-BYT ngày 07/05/2019 Giấy chứng nhận số :2020-64-022/KQNC
7	Đánh giá dịch vụ chăm sóc mắt tại Việt Nam sử dụng bộ công cụ ECSAT	CN	Cấp cơ sở Trường Đại học YTCC	QĐ phê duyệt số 1041/QĐ-ĐHYTCC ngày 23/8/2019	2019	QĐ công nhận kết quả số 1598/QĐ-ĐHYTCC ngày 31/12/2019
8	Đánh giá việc sử dụng các biện pháp tránh thai đảo ngược kéo dài truyền thống và hiện đại tại Trung Quốc và Việt Nam	CN	Cấp cơ sở Trường Đại học YTCC	QĐ phê duyệt số 1394/QĐ-ĐHYTCC ngày 21/11/2019	2020	QĐ công nhận kết quả số 144/QĐ-ĐHYTCC ngày 26/3

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

Trước khi công nhận chức danh PGS:

Tổng số 43 bài: gồm 21 bài báo tiếng Anh và 22 bài trong nước

Bài báo tạp chí tiếng Anh: Có 17 bài thuộc tạp chí danh mục Scopus, trong đó 6 bài thuộc tạp chí nhóm Q1 và 10 bài thuộc tạp chí nhóm Q2

STT	Tên bài báo khoa học	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí, kỷ yếu	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập (số) Trang	Tháng/ năm
1	Social contexts and Children's Health Outcomes: Researching across the boundaries	3		Critical Public Health	Scopus/ IF=2.42 Thuộc Q1	24	16 (3) Tr: 2005-18 https://doi.org/10.1080/09581590600986432	09/2006
2	Joint Policy Making in Early Childhood Development. In: Moving Population and Public Health Knowledge into Action.	6		A Knowledge Translation Casebook			Tr: 29-32	12/2006
3	Building partnerships to improve children's health.	6		A Knowledge Translation Casebook			Tr 1-5	12/2008
4	Examination of physical activity in adolescents over the school year	7		Pediatric Exercise Science	Scopus/ IF:2.12 Thuộc Q1	19	21 (4) Tr:421-435 https://doi.org/10.1123/pes.21.4.421	06/2009

5	Neighborhood Contexts and Low Birth Weight: Social Disconnection Heightens Single Parents Risks in Saskatoon.	2		Canada Journal of Public Health.	Scopus/ IF=1.64 Thuộc Q2	13	100 (2)Tr: 130-133 DOI: 10.1007/ BF03405522	06/2009
6	Neighbourhood Effects on Hospitalization in Early Childhood	2	Đầu/Liên hệ	Canadian Journal of Public Health	Scopus/ IF=1.64 Thuộc Q2	8	101 (2)Tr: 119-23 DOI: 10.1007/ BF03404355	04/2010
7	Neighbourhood ethnic diversity buffers school readiness impact in ESL children	3		Canadian Journal of Public Health	Scopus/ IF=1.64 Thuộc Q2	9	101 (supl 3)Tr:13-18 DOI: 10.1007/ BF03403976	12/2010
8	Neighborhood poverty impacts children's physical health and well-being over time: evidence from the Early Development Instrument.	4		Early Education and Development	Scopus/ IF=1.79 Thuộc Q1	22	22 (2)Tr: 183-205 https://doi.org/10.1080/10409280902915861	03/2011
9	The use of total assets as a proxy for socio-economic status in Northern Vietnam	3	Đầu/Liên hệ	Asia-Pacific Journal of Public Health	Scopus/ IF:1.46 Thuộc Q2	11	23 (6)Tr: 996-1004 DOI: 10.1177/ 1010539510361638	04/2011
10	Cervical Human Papilloma Virus Infection among General Female	2	Đầu/Liên hệ	Asian Pacific Journal of Cancer	Scopus/ IF:2.52 Thuộc Q2	9	27 (2)Tr: 561-566 http://journal.waocp.org/?sid=Entrez:PubMed&id=pmid:2	12/2011

	Population in Vietnam: a Situation analysis.			Prevention,			1545230&key=2011.12.2.561	
11	Health services for reproductive tract infections among female migrant workers in industrial zones in Ha Noi, Viet Nam: an in-depth assessment.	4		Reproductive Health	Scopus/ IF:2.29 Thuộc Q1	13	9 (4) doi: 10.1186/1742-4755-9-4	02/2012
12	Prevalence of Cervical Human Papillomavirus Infection Among Married Women in Hanoi, Vietnam, 2010.	5	Đầu/Liên hệ	Asia-Pacific Journal of Public Health	Scopus/ IF:1.46 Thuộc Q2	7	24 (2) Tr: 385-391 DOI: 10.1177/1010539510393727	03/2012
13	Current Status and Trends with Education in Vietnam: Evidence from Three Population Censuses	2		Asian Journal on Education and Learning			3(2) Tr: 41-51	03/2012
14	Health service utilization for reproductive tract infections of female migrants aged 18-49 working at industrial zones in Long Bien, Ha Noi, 2011	4		Special Edition of Vietnam Journal of Public Health			1 (1) Tr: 18-23	03/2012

15	HIV related risk behaviors among general population: a survey using Audi Computer Assisted Self Interview in 3 cities in Vietnam.	3	Đầu/Liên hệ	Asia-Pacific Journal of Public Health	Scopus/ IF:1.46 Thuộc Q2	7	https://doi.org/10.1177/1010539510393727 (Đây không phải open access, nên chỉ hiện abstract trên DOI, UV đã có bản in bài báo trong hồ sơ)	06/2012
16	High-risk and multiple human papillomavirus infections among married women in Can Tho, Viet Nam.	2	Đầu/Liên hệ	Western Pacific Journal of Surveillance	Scopus/ IF=1.44		3(3)Tr: 01-6 DOI: 10.5365/WPSAR.2012.3.1.007 https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC3731010/	09/2012
17	Comparison of Audio-Computer Assisted Self-Interview to Traditional Interview in an HIV-Related Behavioral Survey in Vietnam	2		Medic review	Scopus/ IF=0.7	6	14 (4)Tr: 26-31 DOI: 10.1590/s1555-79602012000400006	10/2012
18	An analysis of interprovincial migration in Vietnam from 1989 to 2009	4		Global Health Action	Scopus/ IF=1.82 Thuộc Q1	30	5Tr: 122-133 doi: 10.3402/gha.v5i0.9334	12/2012

19	Prevalence of Cervical human Papilloma virus infection among married women in Vietnam, 2011.	2		Asian Pacific Journal of Cancer Prevention	Scopus/ IF:2.52 Thuộc Q2	13	13 (1)Tr: 37-40 DOI: 10.7314/apjcp.2012.13.1.037	12/2012
20	Multilevel Determinants of Colleges/Universities Enrolment in Vietnam: Evidences from the 15% Sample Data of Population Census 2009.	3	Đầu/Liên hệ	Social Indicator Research	Scopus/ IF:1.7 Thuộc Q1	7	111 (1)Tr: 375-386 https://link.springer.com/article/10.1007/s11205-012-0011-2 (Đây không phải open access, nên chỉ hiện abstract trên DOI, UV đã có bản in bài báo trong hồ sơ)	01/2013
21	Prevalence of cervical infection with HPV type 16 and 18 in Vietnam: implications for vaccine campaign.	3	Đầu/Liên hệ	BMC Cancer	Scopus/ IF=3.17 Thuộc Q2	27	13 (53) Tr: 01-06 DOI: 10.1186/1471-2407-13-53	03/2013

Bài báo trong nước

STT	Tên bài báo khoa học	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí, kỷ yếu	TCQG trong danh mục tính điểm	Tập (số)	Năm công bố
22	Vũ Thị Hoàng Lan (dịch) Gia tăng gánh	1		Tạp chí YTCC	Có	Số 18+19 Tr 84-98	04/2011

	nặng bệnh KTN ở Đông Nam Á.						
23	Thực trạng sức khỏe tâm thần và một số yếu tố liên quan ở học sinh trường Phổ Thông trung học Quận Cầu Giấy, Hà nội.	3	Đứng đầu	Tạp chí Y dược học Quân sự.	Có	Số 36 (5), Tr:79-86	05/2011
24	Nhu cầu sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh và tiếp cận thông tin về nhiễm khuẩn đường sinh sản của phụ nữ di cư phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Hà nội năm 2011.	4		Tạp chí Y học dự phòng	Có	Số 21 (8), Tr 38-44	08/2011
25	Thực trạng điều kiện sinh hoạt và tình hình sử dụng dịch vụ y tế của người lao động di cư tại khu công nghiệp Sài Đồng, Quận Long Biên, Hà nội, năm 2011.	5		Tạp chí Y dược học quân sự,	Có	Số 37, Tr 33-38	02/2012
26	Thực trạng sử dụng dịch vụ khám chữa NKDSS của phụ nữ tuổi 19-49 làm việc tại KCN Sài Đồng, Long Biên, Hà nội năm 2011.	4		Tạp chí YTCC	Có	Số 23 (23), Tr 33-39	02/2012
27	Một số yếu tố liên quan đến tình trạng dinh dưỡng của trẻ 0-36 tháng tuổi tại các huyện đồng bằng ven biển tỉnh Khánh Hòa.	3		Tạp chí Nghiên cứu Y học	Có	Số 81 (phụ trương 3B), tr 254-9	06/2012
28	Phân lập các chủng HPV gây u nhú phổ biến ở Thái nguyên năm 2011	1	Đứng đầu	Tạp chí Nghiên cứu Y học	Có	Số 80 (phụ trương 3B), Tr 200-209	06/2012
29	Virut gây u nhú ở người và nhu cầu thông tin ở phụ nữ 18-65 tuổi tại Thái	2		Tạp chí Y dược học	Có	Số 37 (5), tr 32-38	06/2012

	Nguyên, Huế và Cần Thơ.			quân sự			
30	Thực trạng xét nghiệm HIV trong quần thể dân số tuổi 15-49 tại Hà nội, Đà nẵng, và Cần Thơ năm 2010.	3		Tạp chí Y dược học quân sự	Có	Số 37 (5), tr 44-49	06/2012
31	Tìm hiểu rào cản tiếp cận dịch vụ SKSS của phụ nữ di cư và các mô hình can thiệp.	1	Đứng đầu	Tạp chí YTCC	Có	Số 25 (25), Tr 18-24	08/2012
32	Điều tra hành vi nguy cơ lây truyền HIV của nam giới tại Hà nôi, Đà nẵng và Cần thơ bằng phương pháp phỏng vấn với sự hỗ trợ của máy tính.	3		Tạp chí Y Dược học Quân sự	Có	Số 37 (7) Tr 16-21	09/2012
33	Thực trạng QHTD trong những người chưa lập gia đình tại Hà nội, Đà nẵng và Cần Thơ năm 2010.	3		Tạp chí Y học dự phòng	Có	Tập 22 số 5 (132), tr 44-50	10/2012
34	Tình trạng suy dinh dưỡng và YTLQ ở trẻ em từ 0-36 tháng tuổi tại các huyện thị đồng băng ven biển tỉnh Khánh hòa.	3		Tạp chí Y học dự phòng	Có	Tập 22, số 5 (132), Tr 57-66	10/2012
35	Yếu tố nguy cơ thiếu máu dinh dưỡng ở trẻ em 6-36 tháng tuổi tại các huyện thị đồng bằng ven biển tỉnh Khánh Hòa năm 2011.	3		Tạp chí Y dược học quân sự	Có	Số 37 (6), Tr 21-27	10/2012
36	Thực trạng kiến thức và tiếp cận thông tin về nhiễm khuẩn đường sinh sản trong phụ nữ di cư lao động tự do tại phường Phúc Xá, Ba Đình, Hà nội, năm 2011.	2	Đứng đầu	Tạp chí Y học Việt Nam	Có	1 (400), Tr 37-43	12/2012

37	Thực trạng sâu răng và một số YTLQ tại trường tiểu học Nhật Tân Quận Tây Hồ.	2		Tạp chí YTCC	Có	Số 26, Tr 34-38	12/2012
38	Thực trạng cận thị học đường và một số YTLQ tại trường THCS Phan Chu Trinh, Quận Ba Đình, Hà nội năm 2010.	2	Đứng đầu	Tạp chí YTCC	Có	Số 26, Tr 23-27	12/2012
39	Thực trạng khám chữa bệnh BHY trái tuyến tại Khoa khám bệnh thuộc Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung Ương năm 2011.	3		Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam	Có	57-12 (6), Tr 29-35	12/2012
40	Tình hình triển khai các chính sách tăng cường nhân lực y tế cho các vùng khó khăn tại Việt Nam.	4	Đứng đầu	Tạp chí Y học thực hành	Có	857 (1); Tr130-133	01/2013
41	Ung thư cổ tử cung: gánh nặng bệnh tật và hoạt động dự phòng tại Việt Nam	3		Tạp chí Thông tin Y dược	Có	Số 2, Tr 6-10	02/2013
42	Sự tự tin sử dụng bao cao su trong quan hệ tình dục ở vị thành niên	3		Tạp chí Thông tin Y dược	Có	Số 3, Tr 2-5	03/2013
43	Những rào cản ảnh hưởng đến tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế của người di cư mùa vụ độ tuổi 18-50 tại phường Phúc Xá, Ba Đình, Hà nội năm 2012	3		Tạp chí YTCC	Có	Số 27, Tr 23-28	03/2013

Sau khi công nhận chức danh PGS:

Tổng số 64 công trình: trong đó có 29 bài báo tiếng Anh; 32 bài trong nước; 3 báo cáo toàn văn hội thảo quốc tế

Bài tạp chí tiếng Anh: Có 23 bài danh mục Scopus, trong đó có 10 bài thuộc nhóm Q1 và 10 bài thuộc nhóm Q2

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Năm công bố
44	Assessment of Health Status across Different Types of Migrant Populations in Hanoi -Vietnam:A Cross-Sectional Study Using SF 36 Version 2.	4		Vietnam Journal of Public Health			Vol 2 tr: 13-26	03/2014
45	Sex with female sex workers and HIV risk behaviours among general population of males aged 15-49 in Viet Nam	2	TG đứng đầu	Vietnam Journal of Public Health			Vol 2 Tr: 36-44	03/2014
46	Utilization of health care services among internal migrants in Hanoi and its correlation with health insurance: a cross-sectional study	3		Vietnam Journal of Public Health		9	Volume 3(2)Tr: 44-56	12/2015
47	Use of modern contraceptives among married women in Vietnam: a multilevel analysis using the Multiple Indicator Cluster Survey (2011) and the Vietnam Population and Housing Census (2009)	4	Đứng đầu	Global Health Action	Scopus/ IF:1.9 Thuộc Q1	14	Vol 9 doi: 10.3402/gha.v9.29574ol 9	03/2016

48	Trends and determinants for early initiation of and exclusive breastfeeding under six months in Vietnam: results from the Multiple Indicator Cluster Surveys, 2000–2011	5		Global Health Action	Scopus/ IF:1.9 Thuộc Q1	18	Vol 9 DOI: 10.3402/gha.v9.29433	03/2016
49	MHealth information for migrants: An e-health intervention for internal migrants in Vietnam	4	Đứng đầu/Liên hệ	Reproductive Health	Scopus/ IF:2.29 Thuộc Q1	11	Vol 13 (55) doi: 10.1186/s12978-016-0172-6	05/2016
50	Students' Knowledge and Attitudes Towards Smoke-Free Universities: Changes Since Enactment of Vietnamese Tobacco Control Legislation	4		Asian Pacific journal of cancer prevention	Scopus/ IF:2.52 Thuộc Q2	2	17(S1) Tr: 65-70 DOI: 10.7314/apjcp.2016.17.s1.65	08/2016
51	A final-year nursing student survey: rural attitudes, perceived competencies and intention to work across five Asian countries			BMC Nursing	Scopus/ IF:1.69 Thuộc Q1	2	Vol 16(13) doi: 10.1186/s12912-017-0208-4	03/2017
52	Childhood hospitalisation and related deaths in Hanoi, Vietnam: a tertiary hospital database analysis from 2007 to 2014	8		BMJ Open	Scopus/ IF:2.49 Thuộc Q1	4	http://dx.doi.org/10.1136/bmjopen-2016-015260	06/2017

53	Blood Glucose Disorders and Access to Health Care Services Among Adults Aged 30 to 69 Years in Chi Linh, Hai Duong, Vietnam	4	Đứng đầu	Asia Pacific Journal of Public Health	Scopus/ IF:1.46 Thuộc Q2	3	29(5_suppl) Tr: 45S-52S DOI: 10.1177/1010539517709069	06/2017
54	Community-Based Screening for Cervical Cancer Using Visual Inspection With Acetic Acid: Results and Lessons Learned From a Pilot Study in Vietnam	6	Đứng đầu	Journal of Public Health Management Practice	Scopus/ IF:1.51 Thuộc Q2	2	24 Suppl 2: S3-S8 DOI: 10.1097/PHH.0000000000000709	04/2018
55	Trajectories of depression in adolescents and young adults in Vietnam during rapid urbanisation: evidence from a longitudinal study	3	Liên hệ	Journal of Child and Adolescent Mental Health	Scopus/ IF:1.43	5	Vol 30(1) DOI: 10.2989/17280583.2018.1478299	06/2018
56	Smoking susceptibility among school children aged 13–15 in Vietnam: a multilevel analysis of data from Global Youth Tobacco Use data	10		Journal of Global Health Sciences			Volume 1(1) https://doi.org/10.35500/jghs.2019.1.e3	06/2019

57	Smoke-free implementation: A case study on policy development and dissemination within four Vietnamese Universities	4		Vietnam Journal of Public Health			Vol 2Tr: 26-36 http://www.vjph.vn/index.php/publichealth/article/view/555	06/2019
58	Patterns of Raised Blood Pressure in Vietnam: Findings from the WHO STEPS Survey 2015. International journal of hypertension	15		International journal of hypertension	Scopus/ IF:0.56 Thuộc Q2	1	https://doi.org/10.1155/2019/1219783	12/2019
59	How to integrate screening for cervical cancer into grassroots health services for low income countries: An implementation research.	7	Liên hệ	International Journal of Healthcare Management	Scopus/ IF:1.69 Thuộc Q2	1	https://doi.org/10.1080/20479700.2020.1729593	02/2020
60	What drives utilization of primary care facilities?: Evidence from a national facility survey	3	Đứng đầu/Liên hệ	International Journal of Healthcare Management	Scopus/ IF:1.69 Thuộc Q2	1	https://doi.org/10.1080/20479700.2020.1752984	04/2020
61	Adverse influence of multilevel socioeconomic status on physical activity: results from a national survey in Vietnam	4	Đứng đầu	BMC Public Health	Scopus/ IF:2.69 Thuộc Q1		https://doi.org/10.1186/s12889-020-08695-5	04/2020

62	Job satisfaction of healthcare workers in Vietnam: A multilevel study	3	Liên hệ	International Journal of Healthcare Management	Scopus/ IF:1.69 Thuộc Q2		https://doi.org/10.1080/20479700.2020.1749804	04/2020
63	Online time, experience of cyber bullying and practices to cope with it among high school students in Hanoi	4	Liên hệ	Health Psychology Open	Scopus/ IF:1.28 Thuộc Q2		Volume: 7 issue: 2, doi: 10.1177/2055102920935747	04/2020
64	Risk factors for Non-Communicable Diseases among adults in Vietnam: Findings from the Vietnam STEPS Survey 2015	18		Journal of Global Health Sciences		1	Volume 2(1) https://doi.org/10.35500/jghs.2020.2.e7	06/2020
65	Relationship between family functioning and health-related quality of life among methadone maintenance patients: a Bayesian approach	7		Quality of Life Research	Scopus/ IF:2.4 Thuộc Q1		DOI: 10.1007/s11136-020-02598-z	06/2020
66	Self-reported non-communicable diseases and associated socio-demographic status among ethnic minority populations in Vietnam, 2019	16		Health Psychology Open	Scopus/ IF:1.28 Thuộc Q2		Volume: 7 issue: 1 DOI: 10.1177/2055102920954707	06/20

67	Sexual and reproductive health communication between parents and high school adolescents in Vientiane Prefecture, Lao PDR	3		Global Health Action	Scopus/ IF:1.9 Thuộc Q1	1	Volume 13 (Sup 2) DOI: 10.1080/16549716.2020.1785145	08/2020
68	Change in Compliance of Staff at 4 Vietnam Universities after the Enactment of Smoke-free Environment Decree	4		Environment Health Insights	Scopus Thuộc Q2		Volume 14 DOI: 10.1177/1178630220972957	10/2020
69	Health financial hardship among ethnic minority populations in Vietnam	14		Asian Ethnicity	Scopus Thuộc Q1		https://doi.org/10.1080/14631369.2020.1846496	11/2020
70	Moving to Social Health Insurance Financing and Payment for HIV/AIDS Treatment in Vietnam.	6	Đứng đầu/Liên hệ	Health Services Insights.	Scopus Thuộc Q2		Volume 14 doi: 10.1177/1178632920988843	12/2020
71	From behavioral risk factors to metabolic risk factors of non-communicable diseases: a path analysis using national survey data in Vietnam.	6	Đứng đầu	Journal of Public Health	Scopus/ IF:2.2 Thuộc Q1		https://doi.org/10.1007/s10389-021-01475-4	01/2021

72	Impact of Central Quarantine Inside a Lockdown Hospital Due to COVID-19 Pandemic on Psychological Disorders among Health Care Staffs in Central Hospitals of Hanoi, Vietnam, 2020	8	Đứng đầu/Liên hệ	Health Services Insights.	Scopus Thuộc Q2		Volume 14 https://doi.org/10.1177/1178632921999662	02/2021

Bài báo trong nước

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí	TCQG trong danh mục tính điểm	Tập/số /Trang	Tháng /Năm công bố
73	Kiến thức, thực hành phòng ngừa ung thư cổ tử cung và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ đã có chồng từ 35-60 tuổi tại thị trấn An Bài, Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	3		Tạp chí Y học dự phòng	Có	Tập XXIII, số 6(142) Tr 104-113	08/2013
74	Đánh giá hiệu quả mô hình truyền thông đa dạng tại YTCS trong phòng chống SDD trẻ em ở tỉnh Khánh Hòa	3		Tạp chí Y học dự phòng	Có	Tập XXIV, số 1 (149), Tr 71-79	02/2014
75	Thực trạng và các yếu tố liên quan tới sự tự tin sử dụng BCS ở học sinh THPT huyện Quốc Oai, TP Hà nội năm 2013	3		Tạp chí YTCC	Có	Số 32, Tr23-28	02/2014
76	Quan điểm của người sử dụng nhân lực y tế về thực trạng năng lực bác sỹ đa khoa mới tốt nghiệp	4	Đứng đầu	Tạp chí YTCC	Có	Số 31, Tr 04-08	03/2014

77	Sàng lọc UTCTC bằng phương pháp quan sát cổ tử cung với acid aceti tại tỉnh Bắc Ninh năm 2013, một số thuận lợi khó khăn	4		Tạp chí Y học thực hành	Có	Tập 919 số 5, Tr 69-72	05/2014
78	Sàng lọc Ung thư CTC ở phụ nữ 30-65 tuổi tại Lương Tài, Bắc Ninh bằng phương pháp Pap's smear và VIA năm 2015	5		Tạp chí Y học dự phòng	Có	tập XXIV, số 6 (155) Tr 50-55	09/2014
79	Hiệu quả sàng lọc UTCTC cho phụ nữ từ 30-65 tuổi sử dụng phương pháp PAP và VIA tại Cần Thơ năm 2013	4		Tạp chí Y học dự phòng	Có	tập XXIV, số 5 (154) Tr 46-52	09/2014
80	Sử dụng dịch vụ điều trị bệnh lây truyền qua đường tình dục và xét nghiệm HIV của phụ nữ làm việc trong các cơ sở khách sạn, nhà hàng tại Đồ Sơn và Cát Bà, Hải phòng năm 2014	6		Tạp chí YTCC	Có	Số 35,TR 52-58	03/2015
81	Một số YTNC mắc UTCTC ở phụ nữ từ 30-65 tuổi: Kết quả nghiên cứu bệnh chứng tại Bắc Ninh và Cần Thơ 2013	4		Tạp chí Y học dự phòng	Có	tập XXV số 3 (163) Tr 93-100	04/2015
82	Nhu cầu kiến thức, thái độ về HIV và xét nghiệm HIV chưa được đáp ứng của phụ nữ mại dâm tại Đồ Sơn và Cát Bà, Hải phòng năm 2014	7		Tạp chí YTCC	Có	Số 36, Tr 13-20	06/2015
83	Hiệu quả tầm soát UTCTC tại cộng đồng sử dụng phương pháp VIA và PAP ở phụ nữ từ 30-65 tuổi tại Bắc Ninh và Cần Thơ, năm 2013	4		Tạp chí YTCC	Có	số 36 Tr 55-60	06/2015

84	Thực trạng kiến thức về tác hại và thái độ với hút thuốc lá thụ động của sinh viên một số trường đại học ở Việt nam, 2014	5		Tạp chí Y học thực hành	Có	974 số 8/2015 Tr 98-101	08/2015
85	Đánh giá kiến thức và thực hành về làm mẹ an toàn của cô đỡ thông bản người dân tộc thiểu số 3 năm sau đào tạo tại tỉnh Hà Giang, 2014	4		Tạp chí YTCC	Có	Số 37 Tr39-44	09/2015
86	Thực trạng kiến thức, thái độ và tuân thủ cấm hút thuốc trong sinh viên cử nhân chính quy và cán bộ trường Đại học Y tế Công cộng	4		Tạp chí YTCC	Có	Số 41 Tr98-103	03/2016
87	Một số kết quả đánh giá sử dụng bộ công cụ dịch vụ chăm sóc mắt tại Việt Nam	4	Đứng đầu	Tạp chí Y học thực hành	Có	Số 100 Tr 24-26	03/2016
88	Thực trạng tự kỳ thị và một số yếu tố liên quan của bệnh nhân đang điều trị HIV/AIDS tại OPC Đông Anh, Hà Nội năm 2017	4		Tạp chí Y học thực hành	Có	Số 1051 Tr 101-103	06/2017
89	Sự thay đổi trong phân bổ và bội chi quỹ định suất tại Khánh Hòa sau 1 năm thực hiện thí điểm sửa đổi thanh toán theo định suất	4		Tạp chí Y học thực hành	Có	số 7(1073) Tr 58-60	06/2018
90	Đánh giá sự hài lòng của người bệnh nội trú tại 2 bệnh viện ở Khánh Hòa sau 1 năm thực hiện thí điểm sửa đổi thanh toán theo định suất.	4		Tạp chí Y học cộng đồng	Có	số 4 (45) Tr97-100	06/2018
91	Sự thay đổi chi phí khám chữa bệnh nội trú tại 2 bệnh viện ở Khánh Hòa sau 1 năm thực hiện thí điểm sửa đổi	4		Tạp chí Y học Việt nam	Có	tập 471, số 1 Tr 43-46	10/2018

	thanh toán theo định suất						
92	Đánh giá tính phù hợp và tính khả thi trong việc áp dụng một số bộ công cụ chuẩn hóa cho việc báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu sức khỏe	5		Tạp chí Y học thực hành	Có	Số 1084 Tr59-63	11/2018
93	Đánh giá về năng lực tiến hành nghiên cứu khoa học và môi trường hỗ trợ nghiên cứu tại một số cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực sức khỏe.	5		Tạp chí Y học Việt nam	Có	Tập 472: số 2 Tr 187-191	11/2018
94	Thực trạng nghiên cứu khoa học tại một số cơ sở nghiên cứu lĩnh vực sức khỏe tại Việt nam	5		Tạp chí Y học Việt nam	Có	Tập 473: số 1+2 Tr 167-171	12/2018
95	Thực trạng văn hóa an toàn người bệnh của nhân viên y tế tại Bệnh viện Đa khoa Đống Đa năm 2019	6		Tạp chí NCKH và phát triển	Có	Tập 03, Số 02 Tr 80-89	06/2019
96	Một số khó khăn thuận lợi tại Khoa khám bệnh Đa khoa viện Y dược dân tộc TP HCM 2019	3		Tạp chí Y Dược học Cần Thơ	Có	Số 22-25 Tr 467-473	06/2019
97	Đánh giá cảm nhận người bệnh về chất lượng dịch vụ phẫu thuật nội soi bằng robot tại Bệnh viên Bình Dân 2019	2		Tạp chí NCKH và phát triển	Có	Tập 03 số 3 Tr 94-98	08/2019
98	Kiên thức thực hành của cha mẹ về phòng chống tật khúc xạ cho học sinh và một số YTLQ tại hai trường tiểu học, TP Vinh, Nghệ An	3		Tạp chí Y học Việt Nam	Có	Tập 488, số 2 Tr 258-262	03/3020

99	Kiến thức thực hành của cha mẹ về phòng chống tật khúc xạ cho học sinh trước và sau can thiệp truyền thông phòng chống cận thị tại hai trường tiểu học TP Vinh, Nghệ An.	3		Tạp chí Y học Việt Nam	Có	Số 1&2 tập 492 Tr: 166-170	06/2020
100	Ảnh hưởng của thời tiết lên nhập viện do bệnh viêm phổi ở trẻ em tại Nghệ An giai đoạn 2015 – 2019	5		VNU Journal of Science: Medical and Pharmaceutical Sciences	Có	Vol 36, N3 Tr 109-115	09/2020
101	Chất lượng dịch vụ và các YTAH ở người đến khám, chữa bệnh ngoại trú tại BV ĐH Y dược TP HCM	2		Tạp chí Y học TP HCM	Có	Phụ bản 24: số 5 Tr 56-62	10/2020
102	Đánh giá việc triển khai thực hiện thanh toán xét nghiệm tải lượng virus từ nguồn bảo hiểm y tế	2	Đứng đầu	Tạp chí Y học Việt Nam	Có	Tập 502 Tr 134-138	05/2021
103	Cảm nhận của khách hàng về chất lượng dịch vụ tiêm nội nhãn điều trị một số bệnh mạch máu võng mạc tại Bệnh viện Mắt Trung Ương năm 2020	2	Đứng đầu	Tạp chí Y học Việt Nam	Có	Tập 502 Tr 192-196	05/2021
104	Thực trạng gắn kết trong nhân viên y tế Trung tâm Y tế huyện Sông Hinh, Phú Yên, 2020	3	Đứng đầu	Tạp chí Y học Việt Nam	Có	Tập 502 Tr 261-264	05/2021

Báo cáo toàn văn tại hội thảo quốc tế

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Năm công bố
105	Application of deep learning model (DeepCOVID-19) for detecting COVID-19 cases using chest x-ray images	2		Proc. SPIE 11511, Applications of Machine Learning 2020, 1151112		3	doi:10.1117/12.2575919	8/2020
106	An approach for recognizing COVID-19 cases using convolutional neural network applied to CT scan images	2		Proc. SPIE 11510, Applications of Digital Image Processing XLIII, 1151034		5	doi:10.1117/12.2576276	8/2020
107	Very large multimodal multi-architecture convolutional neural network with bundled transfer learning for automated coronavirus diagnosis	2		Proc. SPIE 11543, Artificial Intelligence and Machine Learning in Defense Applications II, 115430R			doi:10.1117/12.2582626	9/2020

Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín

- Số bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín trước PGS: 17 bài. Trong đó số bài báo TG chính là: **07 bài**

- Số bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín sau PGS: 23 bài. Trong đó số bài báo là TG chính: **13 bài**

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

Không có

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

Không có

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế
1	Chương trình đào tạo Cử nhân YTCC Định hướng Dịch tễ học tại Trường Đại học YTCC Trong chương trình ứng viên đã chủ biên 2 cuốn sách GK - Đánh giá tác động chương trình y tế - Thống kê Y sinh học ứng dụng Và tham gia biên soạn hai cuốn sách GK - Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm - Dịch tễ học các bệnh không truyền nhiễm	Chủ trì	Quyết định về việc triển khai đào tạo CN YTCC định hướng chuyên ngành số 372/QĐ-YTCC ngày 20/6/2008 (kèm kế hoạch triển khai)	Đại học Y tế công cộng Thẩm định bởi Hội đồng KHĐG Kết luận của hội đồng khoa học về chương trình Khung CNYTCC ngày 16/6/2010	Quyết định ban hành Chương trình đào tạo CNYTCC ngày 16/7/2011 số 452/QĐ-YTCC (kèm chương trình khung)
2	Phát triển và điều phối chất lượng chuyên môn và tuyển sinh chương trình đào tạo ThS YTCC tại trường Đại học YTCC	Tham gia	Quyết định 907/QĐ-ĐHYTCC về việc giao nhiệm vụ điều phối và tư vấn tuyển cho các Khoa phụ trách ngày 27/09/2019	Quyết định số: 1259 /QĐ-ĐHYTCC ngày 31/ 12 / 2020 ban hành chương trình ThS YTCC	

	Chương trình ThS Kỹ Thuật Xét nghiệm Y học tại Trường ĐH YTCC Tôi chủ trì xây dựng 1 môn học thuộc chương trình - Phương pháp nghiên cứu khoa học	Tham gia		Biên bản HĐ khoa học số 14/BB-HDKHDT ngày 18/11/2019 thông qua đề án mã ngành ThS KTXNYH	Quyết định số: 1479 /QĐ-ĐHYTCC ngày 4/ 12 / 2019 ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ThS Kỹ Thuật Xét nghiệm Y học của Trường ĐH YTCC

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Đã đủ: Ứng viên đã được bổ nhiệm PGS 8 năm

b) Hoạt động đào tạo

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Đã đủ

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Đã đủ

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT: Đã đủ

Ứng viên đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS và 01 NCS đã có quyết định cấp bằng tốt nghiệp ngày 30/07/2021

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS) ☐

Ứng viên đã chủ trì một đề tài cấp Bộ

Một đề tài cấp Bộ còn lại được thay thê bằng bài báo khoa học ứng viên là TG chính

1. Vu, T.H.L., Khuong, Q.L., Pham, Q.N. et al. From behavioral risk factors to metabolic risk factors of non-communicable diseases: a path analysis using national survey data in Vietnam. J Public Health (Berl.) (2021). https://doi.org/10.1007/s10389-021-01475-4 (Bài báo này ứng viên là TG đứng đầu)

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS):

Đã đủ

Kết luận

- Về nghiên cứu, ứng viên có 107 công trình nghiên cứu đã xuất bản. Trong đó có 40 bài đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus, với 16 bài báo trên tạp chí thuộc tạp chí Q1 và 20 bài trên tạp chí thuộc tạp chí Q2. Tổng số bài báo ứng viên là tác giả chính là 07 bài trong giai đoạn trước PGS và 13 bài trong giai đoạn sau PGS. Ứng

viên đã chủ trì một đề tài cấp Bộ bảo vệ thành công. Ứng viên có bài báo thuộc tạp chí quốc tế có uy tín để bù cho một đề tài cấp Bộ còn thiếu

- Về đào tạo, ứng viên đáp ứng yêu cầu về số giờ giảng và giờ giảng trực tiếp theo quy định. Ứng viên đã hướng dẫn chính 2 Tiến sỹ bảo vệ thành công luận án. Ứng viên có chủ trì/tham gia xây dựng chương trình đào tạo. Ứng viên đã xuất bản 14 tài liệu đào tạo , trong đó có 10 cuốn sách Giáo trình (ứng viên chủ biên, đồng chủ biên 07 sách GT)
- Xét theo các tiêu chí của quy định hiện hành, ứng viên đáp ứng các tiêu chuẩn để được xét chức danh Giáo sư

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà nội , ngày ... tháng ... năm ...
Người đăng ký

Vũ Thị Hoàng Lan